TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày 17-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng đại lý

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Yến

Ông Lê Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng đại lý theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Tổng Công ty G - Công ty TNHH; địa chỉ: Số 25A, phố L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Vũ Xuân T; cư trú tại: Tổ dân phố số 3, phường T, quận N, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 01 năm 2021). Có mặt.

2. Ông Trịnh Văn T; cư trú tại: Tổ 12, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 01 năm 2021). Vắng mặt.

3. Bà Mai Bích N; cư trú tại: P105, G6, phường T, quận T, thành phố Hà

Nội; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 01 năm 2021). Vắng mặt.

4. Ông Lê Gia T; cư trú tại: Khu 2, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 01 năm 2021). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Tuấn L - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần In T; địa chỉ: Số 271 A1, đường C, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Văn M; nơi cư trú: Số 4/8 N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Cổ phần In T). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 01 năm 2021; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trung tâm kinh doanh G tại Hà Nội (sau này đổi tên là Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội) là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo sự ủy quyền của Tổng Công ty G - Công ty TNHH (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty G).

Thực hiện công việc được ủy quyền, ngày 08 tháng 02 năm 2010, giữa Trung tâm kinh doanh G tại Hà Nội (nay là Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội) và Công ty Cổ phần In và Sản xuất Dịch vụ Thương mại T (nay là Công ty Cổ phần In T) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký hợp đồng đại lý với nội dung: Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội giao cho Công ty T làm đại lý dưới hình thức đại lý hoa hồng để bán các sản phẩm giấy in và giấy viết; lượng hàng hóa luân chuyển tại đại lý không quá 500.000.000 đồng. Công ty T có trách nhiệm thanh toán tiền bán hàng đại lý cho Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng ngay sau khi bán được hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thực hiện làm đại lý bán hàng cho Tổng Công ty G loại hàng hóa là giấy viết định lượng 58, độ trắng 84 của Bãi Bằng với số lượng 24.663kg và ngày 31 tháng 12 năm 2010, Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T với số tiền bán hàng là 473.881.547 đồng. Ngày 27 tháng 5 năm 2011 và ngày 12 tháng 11 năm 2012, Công ty T đã thanh toán cho Tổng Công ty G tổng số tiền là 177.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình. Từ đó đến nay, mặc dù đã đôn đốc nhiều lần nhưng Công ty T không

thanh toán cho Tổng Công ty G số tiền còn thiếu. Vì vậy, Tổng Công ty G khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 296.881.547 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 (ngày tiếp theo của ngày chốt nợ cuối cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 113 tháng) với mức lãi suất 09%/năm là 251.607.111 đồng, tổng cộng là 548.488.658 đồng.

Tại Bản luận cứ số 176/LC-ĐHN ngày 17 tháng 6 năm 2021, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn như đã nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Mai Văn M - Giám đốc Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án và không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng đại lý ngày 08 tháng 02 năm 2010 giữa Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội và Công ty T có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán cho Tổng Công ty G số tiền 177.000.000 đồng; đồng thời các bên đã có bản đối chiếu công nợ, thể hiện Công ty T còn nợ Tổng Công ty G số tiền 296.881.547 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty G về việc buộc Công ty T phải thanh toán số tiền gốc còn thiếu là 296.881.547 đồng và số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 (sau ngày chốt nợ cuối cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm là 251.607.111 đồng, tổng cộng là 548.488.658 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xử chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng đại lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là Công ty T có trụ sở tại số 271 A1, đường C, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 296.881.547 đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng đại lý ngày 08 tháng 02 năm 2010 giữa Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội và Công ty T được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có năng lực hành vi dân sự và có đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 168 của Luật Thương mại.

[4] Thực hiện hợp đồng nêu trên, Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội đã giao cho Công ty T 24.663 kg giấy viết có đặc điểm định lượng 58, độ trắng 84 của Bãi Bằng với tổng trị giá là 473.881.547 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán cho Tổng Công ty G số tiền là 177.00.000 đồng vào các ngày 27 tháng 5 năm 2011 và 12 tháng 11 năm 2012 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội.

[5] Tại Công văn số 65/CNBĐ-PDVKH ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình - là tổ chức tín dụng nơi Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội mở tài khoản thì ngoài số tiền 177.000.000 đồng nêu trên, tính đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình không cung cấp được thông tin Công ty T thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác vào tài khoản của Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội.

[6] Quá trình thực hiện hợp đồng, giữa Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội và Công ty T đã nhiều lần tiến hành đối chiếu công nợ, thể hiện số tiền Công ty T còn nợ Tổng Công ty G là 296.881.547 đồng. Bảng đối chiếu công nợ có chữ ký của ông Mai Văn M- là người đại diện theo pháp luật của Công ty T và có đóng dấu của Công ty T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Giấy Việt Nam về việc buộc Công ty T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 296.881.547 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 113 tháng) là 251.607.111 đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Ngày 31 tháng 12 năm 2011, giữa Chi nhánh Tổng Công ty G tại Hà Nội và Công ty T lập bản

đối chiếu công nợ, trong đó thể hiện Công ty T còn nợ Tổng Công ty G số tiền là 373.881.547 đồng; ngày 12 tháng 11 năm 2012, Công ty T đã thanh toán số tiền 77.000.000 đồng; như vậy, số tiền thực tế Công ty T còn nợ Tổng Công ty G là 296.881.547 đồng. Số tiền nợ gốc này được Công ty T ký biên bản xác nhận công nợ lần cuối cùng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty G về việc buộc Công ty T phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 (ngày tiếp theo của ngày chốt nợ cuối cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

[8] Về mức lãi suất chậm trả: Đối với hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật Thương mại thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, lẽ ra Tòa án phải căn cứ vào mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất ba ngân hàng thương mại có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng thương mại có chi nhánh tại thành phố Hải Phòng là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 14,48%/năm - cao hơn mức lãi suất mà Tổng Công ty G đề nghị Tòa án xem xét. Vì vậy, yêu cầu của Tổng Công ty G về việc buộc Công ty T phải thanh toán số tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 09%/năm là có lợi cho Công ty T và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty G về việc buộc Công ty T phải thanh toán cho Tổng Công ty G số tiền nợ gốc là 296.881.547 đồng và số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 113 tháng) là 251.607.111 đồng; tổng cộng là 548.488.658 đồng.

[10] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; vì vậy, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 233, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 122, 124, 280 và 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các điều 168, 169, 172, 173, 174, 175, 176, 292, 306 và 317 của Luật Thương mại;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần In T phải thanh toán cho Tổng Công ty G - Công ty TNHH số tiền nợ gốc là 296.881.547 đồng và số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 251.607.111 đồng, tổng cộng là 548.488.658 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần In T phải nộp 25.939.546 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Tổng Công ty G - Công ty TNHH 13.970.000 đồng (mười ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018072 ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Bích Diệp